



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Nguyễn Việt Phương
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Bà Ngô Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Văn Thức
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ủy ban Kiểm toán
(từ ngày 14/4/2021)

Ông Đào Anh Thắng
Ông Nguyễn Việt Phương

Trưởng Ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 22-03-2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22-03-2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00211-22-1



Wang Loan Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 22-03-2022



Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.557.691.594.169	1.550.910.874.602
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	132.976.715.364	194.084.404.609
Tiền	111		132.976.715.364	194.084.404.609
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		700.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	700.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		772.993.167.178	783.425.964.128
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	780.774.759.010	810.969.815.615
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	38.170.501.214	30.224.105.372
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	15.461.572.866	15.461.572.866
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	18.780.555.519	6.964.691.706
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(80.194.221.431)	(80.194.221.431)
Hàng tồn kho	140	11	946.172.372.471	564.783.249.113
Hàng tồn kho	141		949.618.731.591	568.257.274.664
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.446.359.120)	(3.474.025.551)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.549.339.156	8.617.256.752
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.128.289.932	8.172.206.333
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		421.049.224	445.050.419

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

NỮ T. UYÊN * M.S.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.990.408.684.413	2.043.927.267.314
Tài sản cố định	220		1.369.979.099.015	1.433.735.361.195
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.369.979.099.015	1.365.035.367.602
Nguyên giá	222		2.714.083.194.536	2.589.796.335.207
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.344.104.095.521)	(1.224.760.967.605)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	68.699.993.593
Nguyên giá	228		2.501.022.223	80.625.862.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.501.022.223)	(11.925.869.357)
Tài sản dở dang dài hạn	240		32.881.860.391	85.526.863.328
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	32.881.860.391	85.526.863.328
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	465.272.188.600	465.272.188.600
Đầu tư vào công ty con	251		131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		95.960.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		150.000.000.000	150.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		122.275.536.407	59.392.854.191
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	122.275.536.407	59.392.854.191
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.548.100.278.582	3.594.838.141.916

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.049.647.494.613	1.192.723.874.038
Nợ ngắn hạn	310		2.032.926.897.090	1.157.266.672.887
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	232.898.460.035	180.271.339.717
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	75.700.465.109	3.081.619.337
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	18	61.151.218.653	26.276.720.508
Phải trả người lao động	314		64.105.637.449	53.090.661.288
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	98.801.972.765	111.382.075.598
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	109.330.985.919	10.447.034.963
Vay ngắn hạn	320	21(a)	1.389.623.502.334	772.022.512.413
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	1.314.654.826	694.709.063
Nợ dài hạn	330		16.720.597.523	35.457.201.151
Vay dài hạn	338	21(b)	16.720.597.523	35.457.201.151
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.498.452.783.969	2.402.114.267.878
Vốn chủ sở hữu	410	23	2.498.452.783.969	2.402.114.267.878
Vốn cổ phần	411	24	1.177.961.830.000	1.177.961.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.177.961.830.000	1.177.961.830.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	1.034.576.932.192	941.847.178.493
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		285.914.021.777	282.305.259.385
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		47.199.299.220	47.199.299.220
- LNST năm nay	421b		238.714.722.557	235.105.960.165
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.548.100.278.582	3.594.838.141.916

22 -03- 2022

Người lập:


 Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:


 Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng




 Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02- DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	4.478.735.277.381	4.138.975.544.021
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	171.360.337.823	160.098.462.870
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	28	4.307.374.939.558	3.978.877.081.151
Giá vốn hàng bán	11	29	3.400.178.830.499	2.829.821.829.287
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		907.196.109.059	1.149.055.251.864
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	183.416.292.057	176.632.251.961
Chi phí tài chính	22	31	71.226.691.511	105.234.206.103
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.809.926.367	61.259.577.369
Chi phí bán hàng	25	32	366.984.642.228	516.073.662.597
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	124.760.140.619	201.740.072.833
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		527.640.926.758	502.639.562.292
Thu nhập khác	31		12.962.095.342	6.001.177.890
Chi phí khác	32		19.186.304.171	3.458.523.889
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(6.224.208.829)	2.542.654.001
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		521.416.717.929	505.182.216.293
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	76.007.720.872	69.381.981.628
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		445.408.997.057	435.800.234.665

22 -03- 2022

Người lập:



Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng



 Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	521.416.717.929	505.182.216.293
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	143.460.768.660	138.266.387.688
Các khoản dự phòng	03	(27.666.431)	77.552.270.807
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	929.513.027	27.831.188
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(184.995.537.554)	(176.630.708.695)
Chi phí lãi vay	06	37.809.926.367	61.259.577.369
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	518.593.721.998	605.657.574.650
Biến động các khoản phải thu	09	21.522.436.388	77.055.984.531
Biến động hàng tồn kho	10	(381.361.456.927)	472.462.692.153
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	239.173.107.501	(104.613.090.588)
Biến động chi phí trả trước	12	3.862.782.788	(1.663.326.366)
		401.790.591.748	1.048.899.834.380
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.273.392.196)	(64.708.363.307)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(61.820.483.072)	(72.164.203.994)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(53.960.077.703)	(55.768.245.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	248.736.638.777	856.259.021.085
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(90.556.981.441)	(128.205.227.222)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	5.813.018.637	1.001.232.373
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23	(1.303.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24	603.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	171.561.394.441	235.212.019.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(613.182.568.363)	108.008.024.701

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.236.002.041.577	2.680.269.187.647
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.638.173.307.749)	(3.366.191.437.173)
Tiền trả cổ tức	36	(294.490.457.500)	(373.021.980.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	303.338.276.328	(1.058.944.230.026)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(61.107.653.258)	(94.677.184.240)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	194.084.404.609	288.767.838.171
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(35.987)	(6.249.322)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	132.976.715.364	194.084.404.609

22 -03- 2022

Người lập:


 Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:


 Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng


 Chu Mạnh Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1.257 nhân viên (1/1/2021: 1.250 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng trong vòng từ 27 đến 45 năm.

(ii) Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	269.134.613	183.600.554
Tiền gửi ngân hàng	132.707.580.751	193.900.804.055
	<hr/>	<hr/>
	132.976.715.364	194.084.404.609
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số lượng	31/12/2021 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	1/1/2021 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	15.000	150.000.000.000	(*)	15.000	150.000.000.000	(*)

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 4,9% đến 5,4%. Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Các trái phiếu này hưởng lãi suất năm là 7%. Trong đó, 10.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2027 và 5.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2027.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	31/12/2021		1/1/2021		Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
				Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND				
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty con											
▪ Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung (iii)	100,00%	100,00%	100,00%	120.000.000.000	-	(*)	120.000.000.000	-	(*)		(*)
▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (iv)	100,00%	100,00%	100,00%	11.100.000.000	-	(*)	11.100.000.000	-	(*)		(*)
				<u>131.100.000.000</u>	<u>-</u>		<u>131.100.000.000</u>	<u>-</u>			
Công ty liên kết											
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (v)	8.415.000	27,39%	27,39%	84.150.000.000	-	(*)	84.150.000.000	-	(*)		(*)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (vi)	499.775	49,98%	49,98%	5.397.000.000	-	(*)	5.397.000.000	-	(*)		(*)
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (vii)	51,00%	51,00%	51,00%	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)		(*)
				<u>113.345.883.000</u>	<u>(23.798.883.000)</u>		<u>113.345.883.000</u>	<u>(23.798.883.000)</u>			
Đơn vị khác											
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (viii)	4.632.086	13,50%	13,50%	46.784.068.600	-	(*)	46.784.068.600	-	(*)		(*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1.800.000	1,80%	1,80%	41.400.000.000	-	(*)	41.400.000.000	-	(*)		(*)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	396.000	17,39%	17,39%	5.148.000.000	-	(*)	5.148.000.000	-	(*)		(*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	4,80%	1.128.120.000	-	(*)	1.128.120.000	-	(*)		(*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)		(*)
				<u>95.960.188.600</u>	<u>(1.335.000.000)</u>		<u>95.960.188.600</u>	<u>(1.335.000.000)</u>			
				<u>340.406.071.600</u>	<u>(25.133.883.000)</u>		<u>340.406.071.600</u>	<u>(25.133.883.000)</u>			

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (iv) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (v) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (vi) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (vii) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Việt Nam cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.
- Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phản ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng từ những năm trước.
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	507.775.042.229	337.778.296.999
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (i)	98.249.573.848	243.936.102.107
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (i)	-	3.885.581.879
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (i)	12.562.000	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	1.264.458.136	1.650.366.250
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	97.208.674.112	32.476.824.252
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	68.276.461.099	123.288.793.047
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	-	37.731.349.888
Công ty TNHH Tam Phước	-	26.400.255.823
Các khách hàng khác	7.987.987.586	3.822.245.370
	780.774.759.010	810.969.815.615

- (i) Các khoản phải thu này không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 701.869 triệu VND (1/1/2021: 732.065 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiên Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	5.940.080.065	2.105.295.193
Bên khác		
Công ty TNHH Công nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	9.375.659.443	6.977.720.635
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Điện nước Anh Quân	4.181.100.000	-
Công ty Cổ phần Van Vina	3.256.193.160	1.443.435.940
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	2.964.483.848	2.331.359.518
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	2.356.640.000	1.412.516.288
Các nhà cung cấp khác	10.096.344.698	15.953.777.798
	38.170.501.214	30.224.105.372

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong – công ty liên kết. Khoản vay này không có bảo đảm, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	10.833.561.647	1.262.465.753
Tạm ứng	5.300.636.207	2.817.667.095
Đặt cọc	2.378.000.000	2.308.000.000
Phải thu khác	268.357.665	576.558.858
	18.780.555.519	6.964.691.706

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2021			1/1/2021				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-
Công ty TNHH Sekisui	Trên 1 năm đến trên 3 năm	1.264.458.136	1.060.039.175	204.418.961	Dưới 6 tháng đến trên 3 năm	1.650.366.250	1.060.039.175	590.327.075
Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt								
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	2 năm đến dưới 3 năm	98.249.573.848	77.845.262.227	20.404.311.621	1 năm đến dưới 2 năm	243.936.102.107	77.845.262.227	166.090.839.880
- công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 3 năm	203.536.476	203.536.476	-	Trên 3 năm	203.536.476	203.536.476	-
Đổi tượng khác								
		100.802.952.013	80.194.221.431	20.608.730.582		246.875.388.386	80.194.221.431	166.681.166.955

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

80.194.221.431

80.194.221.431

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	70.112.842.476	-	55.283.899.516	-
Nguyên vật liệu	560.882.839.863	(3.446.359.120)	339.834.011.616	(3.474.025.551)
Công cụ và dụng cụ	9.038.098.070	-	8.061.336.157	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59.868.617.771	-	37.113.688.720	-
Thành phẩm	249.716.333.411	-	127.964.338.655	-
	949.618.731.591	(3.446.359.120)	568.257.274.664	(3.474.025.551)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.357.729.493.558	1.061.884.088.660	152.721.030.098	17.461.722.891	2.589.796.335.207
Tăng trong năm	5.302.621.539	3.965.192.788	2.638.463.818	-	11.906.278.145
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	130.735.946.745	2.644.263.134	-	-	133.380.209.879
Thanh lý	(627.067.922)	(4.938.395.499)	(1.691.614.286)	-	(7.257.077.707)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(13.675.935.289)	-	(66.615.699)	(13.742.550.988)
Số dư cuối năm	1.493.140.993.920	1.049.879.213.794	153.667.879.630	17.395.107.192	2.714.083.194.536
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	456.125.565.091	659.671.947.424	92.595.653.516	16.367.801.574	1.224.760.967.605
Khấu hao trong năm	69.305.737.250	58.735.356.064	11.302.148.802	394.821.316	139.738.063.432
Thanh lý	(423.270.846)	(4.537.499.396)	(1.691.614.286)	-	(6.652.384.528)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(13.675.935.289)	-	(66.615.699)	(13.742.550.988)
Số dư cuối năm	525.008.031.495	700.193.868.803	102.206.188.032	16.696.007.191	1.344.104.095.521
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	901.603.928.467	402.212.141.236	60.125.376.582	1.093.921.317	1.365.035.367.602
Số dư cuối năm	968.132.962.425	349.685.344.991	51.461.691.598	699.100.001	1.369.979.099.015

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 563.185 triệu VND (1/1/2021: 528.636 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 748.165 triệu VND (1/1/2021: 839.689 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền công nghệ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	78.124.840.727	2.501.022.223	80.625.862.950
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(76.393.133.097)	-	(76.393.133.097)
Thanh lý	(1.731.707.630)	-	(1.731.707.630)
Số dư cuối năm	-	2.501.022.223	2.501.022.223
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.424.847.134	2.501.022.223	11.925.869.357
Khấu hao trong năm	451.172.686	-	451.172.686
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.420.051.952)	-	(9.420.051.952)
Thanh lý	(455.967.868)	-	(455.967.868)
Số dư cuối năm	-	2.501.022.223	2.501.022.223
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	68.699.993.593	-	68.699.993.593
Số dư cuối năm	-	-	-

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.501 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	85.526.863.328	127.135.624.483
Tăng trong năm	80.804.745.419	71.243.810.497
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(133.380.209.879)	(110.852.571.652)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(2.000.000.000)
Khác	(69.538.477)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	32.881.860.391	85.526.863.328

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	23.850.632.324	76.495.635.261
Dự án số 2 An Đà	9.031.228.067	9.031.228.067
	<hr/>	<hr/>
	32.881.860.391	85.526.863.328

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	47.537.665.966	2.935.852.034	8.919.336.191	59.392.854.191
Tăng trong năm	-	1.245.564.000	5.777.408.846	7.022.972.846
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	66.973.081.145	-	-	66.973.081.145
Phân bổ trong năm	(3.271.532.542)	(1.620.088.180)	(6.221.751.053)	(11.113.371.775)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	111.239.214.569	2.561.327.854	8.474.993.984	122.275.536.407

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	90.829.495.680	58.041.296.500
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	43.722.349.648	1.123.173.758
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	1.997.604.554	2.023.997.019
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	205.906.250	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	-	54.429.093.592
Bên khác		
Công ty TNHH Đầu tư Huyền Trang	8.021.597.200	-
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	3.192.395.448	15.011.101.227
Borouge Pte Ltd.	8.274.494.250	16.717.100.400
Marubeni Corporation	24.600.591.540	-
SCG Chemicals Co., Ltd.	17.729.250.000	-
Các nhà cung cấp khác	34.324.775.465	32.925.577.221
	232.898.460.035	180.271.339.717

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán (1/1/2021: Không).

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	16.555.985.810	-
Công ty TNHH Tam Phước	58.203.602.728	-
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	938.132.491	3.081.619.337
Các khách hàng khác	2.744.080	-
	75.700.465.109	3.081.619.337

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.093.293.514	449.008.172.821	(431.130.336.332)	29.971.130.003
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	165.151.573.162	(165.151.573.162)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.575.547.258	76.007.720.872	(61.820.483.072)	19.762.785.058
Thuế thu nhập cá nhân	8.252.443.560	20.014.043.691	(17.204.619.835)	11.061.867.416
Tiền thuê đất	-	7.803.520.000	(7.803.520.000)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	21.844.514.469	(21.844.514.469)	355.436.176
	26.276.720.508	739.829.545.015	(704.955.046.870)	61.151.218.653

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi vay phải trả	1.623.147.748	1.086.613.577
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	68.135.046.662	80.470.538.547
Chi phí vận chuyển	7.611.859.008	5.900.967.861
Chi phí thuê đất	9.443.036.249	6.273.082.125
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	2.678.000.000	13.391.033.600
Chi phí phải trả khác	9.310.883.098	4.259.839.888
	98.801.972.765	111.382.075.598

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
Các khoản trả hộ từ Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	100.756.235.584	-
Bên khác		
Nhận đặt cọc ngắn hạn	6.298.984.177	7.414.000.177
Kinh phí công đoàn	1.293.995.672	1.801.194.049
Các khoản phải trả khác	981.770.486	1.231.840.737
	<hr/>	<hr/>
	109.330.985.919	10.447.034.963
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, chịu lãi suất 3,7%/năm và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21.	Vay	Biến động trong năm				31/12/2021
		1/1/2021	Tăng	Giảm	Chênh lệch	
(a)	Vay ngắn hạn	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	VND	VND	tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	753.285.908.830	3.236.002.041.577	(2.619.436.704.166)	1.035.652.465	1.370.886.898.706
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21(b))	18.736.603.583	18.736.603.628	(18.736.603.583)	-	18.736.603.628
		772.022.512.413	3.254.738.645.205	(2.638.173.307.749)	1.035.652.465	1.389.623.502.334

Vay ngắn hạn bao gồm:

- các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 2,9% đến 4,1% (2020: từ 3,1% đến 5,0%); và
- các khoản vay ngân hàng bằng Đô la Mỹ, chịu lãi suất năm từ 2,0% đến 2,3% (2020: không có khoản vay Đô la Mỹ).

Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị ghi sổ 959.856 triệu VND được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày tại Thuyết minh 21(b). Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Vay dài hạn	35.457.201.151	54.193.804.734
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 21(a))	(18.736.603.628)	(18.736.603.583)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	16.720.597.523	35.457.201.151
	<hr/>	<hr/>

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 4,0% đến 5,45% (2020: từ 5,43% đến 9,14%) và có thời gian đáo hạn từ năm 2022 đến năm 2024.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn còn số dư được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 5);
- các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 701.869 triệu VND (1/1/2021: 732.065 triệu VND) (Thuyết minh 6); và
- tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 748.165 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 839.689 triệu VND) (Thuyết minh 12).

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	694.709.063	4.165.196.620
Trích lập trong năm	23.580.023.466	28.297.758.437
Tạm ứng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (*)	30.000.000.000	20.000.000.000
Sử dụng trong năm	(52.960.077.703)	(51.768.245.994)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.314.654.826	694.709.063
	<hr/>	<hr/>

- (*) Trong cuộc họp vào ngày 20 tháng 10 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 30.000 triệu VND để cho mục đích phục vụ các hoạt động của Công đoàn Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	981.638.530.000	962.542.250.971	447.452.991.179	2.391.633.772.150
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	435.800.234.665	435.800.234.665
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	175.628.227.522	(175.628.227.522)	-
Phát hành cổ phiếu	196.323.300.000	(196.323.300.000)	-	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 (Thuyết minh 25)	-	-	(196.327.706.000)	(196.327.706.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 25)	-	-	(176.694.274.500)	(176.694.274.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 (Thuyết minh 22)	-	-	(28.297.758.437)	(28.297.758.437)
Tạm ứng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 22)	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2021	1.177.961.830.000	941.847.178.493	282.305.259.385	2.402.114.267.878
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	445.408.997.057	445.408.997.057
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	92.729.753.699	(92.729.753.699)	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 25)	-	-	(117.796.183.000)	(117.796.183.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 25)	-	-	(176.694.274.500)	(176.694.274.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 22)	-	-	(23.580.023.466)	(23.580.023.466)
Tạm ứng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 22)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	1.177.961.830.000	1.034.576.932.192	285.914.021.777	2.498.452.783.969

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2020 bằng tiền trị giá 117.796 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ) (2020: 196.328 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 20% vốn điều lệ)).

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết về việc tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2021 trị giá 176.694 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ) (2020: 176.694 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ)).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.638.903.125
Từ hai đến năm năm	43.447.992.500	42.555.612.500
Trên năm năm	238.883.820.688	241.584.587.563
	293.193.811.313	294.779.103.188

(b) Ngoại tệ

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	96.398	2.177.137.763	105.146	2.417.827.441

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	21.607.267.431	12.087.583.773
	21.607.267.431	12.087.583.773

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021	2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	4.260.761.768.234	3.898.377.581.675
▪ Doanh thu khác	217.973.509.147	240.597.962.346
	<hr/>	<hr/>
	4.478.735.277.381	4.138.975.544.021
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(157.045.561.595)	(143.584.555.652)
▪ Hàng bán bị trả lại	(11.637.016.296)	(16.513.907.218)
▪ Giảm giá hàng bán	(2.677.759.932)	-
	<hr/>	<hr/>
	(171.360.337.823)	(160.098.462.870)
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	4.307.374.939.558	3.978.877.081.151

29. Giá vốn hàng bán

	2021	2020
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	3.190.091.540.813	2.629.730.188.608
▪ Giá vốn khác	210.114.956.117	201.422.671.274
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(27.666.431)	(1.331.030.595)
	<hr/>	<hr/>
	3.400.178.830.499	2.829.821.829.287

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	36.327.858.792	13.358.552.994
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.283.801.722	881.852.266
Cổ tức và lợi nhuận được chia	144.804.631.543	162.391.846.701
	<hr/>	<hr/>
	183.416.292.057	176.632.251.961

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	37.809.926.367	61.259.577.369
Chiết khấu thanh toán	28.805.484.055	37.017.649.714
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.371.869.517	272.265.935
Chi phí tài chính khác	3.239.411.572	6.684.713.085
	71.226.691.511	105.234.206.103
	71.226.691.511	105.234.206.103

32. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	31.735.385.439	32.988.703.207
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	166.741.718.646	273.260.101.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.978.738.748	12.524.888.059
Chi phí vận chuyển	77.348.592.718	76.982.349.388
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	38.251.833.220	64.469.042.899
Chi phí bán hàng khác	36.928.373.457	55.848.577.744
	366.984.642.228	516.073.662.597
	366.984.642.228	516.073.662.597

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	59.118.615.109	51.270.707.850
Chi phí khấu hao và phân bổ	21.521.602.429	19.289.137.584
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	78.883.301.402
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	44.119.923.081	52.296.925.997
	124.760.140.619	201.740.072.833
	124.760.140.619	201.740.072.833

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	3.101.737.554.461	2.365.306.103.056
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	166.741.718.646	273.260.101.300
Chi phí nhân công và nhân viên	337.223.285.170	307.123.078.521
Chi phí khấu hao và phân bổ	143.460.768.660	138.266.387.688
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	78.883.301.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.319.030.206	230.813.275.215
Chi phí khác	48.975.846.441	93.342.669.625

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	76.007.720.872	69.381.981.628

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	521.416.717.929	505.182.216.293
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	104.283.343.586	101.036.443.259
Chi phí không được khấu trừ thuế	685.303.595	823.907.709
Thu nhập không bị tính thuế	(28.960.926.309)	(32.478.369.340)
	76.007.720.872	69.381.981.628

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung		
Bán hàng hóa	118.765.506.927	4.731.563.381
Mua hàng hóa	-	154.509.510.626
Phân phối lợi nhuận	139.000.202.043	157.273.335.901
Mua tài sản cố định hữu hình	418.295.740	11.302.344.856
Thanh lý tài sản cố định hữu hình	928.473.182	-
Mua dịch vụ	853.312.998	1.273.584.615
Chi phí lãi trả chậm	3.239.411.572	6.684.713.085
Cho vay nguyên vật liệu	98.546.079.000	-
Nhận lại nguyên vật liệu đã cho vay	98.546.079.000	-
Chi phí quản lý	-	349.421.432
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam		
Bán hàng hóa	224.483.847.013	266.557.067.351
Mua hàng hóa, dịch vụ	104.701.830.415	177.391.756.829
Hàng bán bị trả lại	1.259.471.661	2.662.184.272
Phí bản quyền (*)	3.400.000.000	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong		
Mua hàng hóa, dịch vụ	25.430.381.626	19.110.958.344
Cổ tức được chia	599.730.000	499.775.000
Doanh thu bán hàng hóa	16.630.000	-
Công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải		
Chiết khấu, bồi khấu	12.082.471.544	-
Hàng bán trả lại	240.987.550	4.126.339.239
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong		
Bán hàng hóa	30.150.000	32.920.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	66.408.240.080	50.645.564.270
Mua tài sản cố định hữu hình	933.335.000	-
Cho vay	3.000.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	3.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	63.013.066	-

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam		
Bán hàng hóa	3.577.727.273	3.333.073.129
Mua hàng hóa	515.035.349.164	165.322.032.105
Hàng bán trả lại	12.518.950	-

(*) Theo các hợp đồng về chuyển giao công nghệ phụ ngày 1 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (công ty liên kết), Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam có quyền và đã chuyển giao công nghệ phụ, được nhận từ Công ty TNHH Hóa chất Sekisui, cho Công ty để Công ty sản xuất, sử dụng và chào bán một số sản phẩm dựa trên các bí quyết công nghệ này. Công ty trả phí bản quyền là 3.400 triệu VND một năm cho Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2021	2020
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác		
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	3.352.341.875	2.600.016.572
Ông Noboru Kobayashi – Phó chủ tịch	884.500.000	588.980.000
Ông Trần Ngọc Bảo – Thành viên	2.698.561.261	2.030.000.412
Ông Nguyễn Việt Phương – Thành viên	177.000.000	66.590.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên	918.630.000	864.000.000
Ông Nguyễn Quốc Trường – Thành viên <i>(đến ngày 18/5/2020)</i>	-	249.000.000
Ông Trần Bá Phúc – Thành viên <i>(đến ngày 18/5/2020)</i>	-	254.500.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên <i>(đến ngày 18/5/2020)</i>	-	50.000.000
Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	3.387.176.659	2.632.900.304
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	5.192.609.115	5.018.688.033

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

22 -03- 2022

Người lập:



Lưu Thị Mai
Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng



Chủ Văn Phương
Tổng Giám đốc